TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dũng

2. Bà Đặng Thị Bích L

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 479/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1977; Địa chỉ thường trú: Thôn 1, xã Gi, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Địa chỉ tạm trú: Ấp 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Lê Thị Cẩm L, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Phước Tú, xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

(Ông Tr và bà L đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 29/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Ông Lê Văn Tr trình bày:

Ông và bà L quen biết nhau trên cơ sở tự tìm hiểu, phát sinh tình cảm và tiến tới xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2022, ông bà có tổ chức lễ cưới, thực hiện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Gi, huyện T, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07 tháng 10 năm 2022.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về kinh tế mà không khắc phục được, nên vợ chồng

dần dần không còn tin tưởng nhau. Từ đó, vợ chồng dần ít trò chuyện, ít quan tâm nhau hơn dù ông cũng cố gắng tìm biện pháp khắc phục nhưng không có kết quả vì tình cảm đã không còn. Sau một thời gian nỗ lực để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông tự nhận thấy, dù rất mong muốn duy trì mối quan hệ vợ chồng nhưng chỉ làm cả hai thêm mệt mỏi, hôn nhân không còn ý nghĩa. Đến khoảng tháng 6 năm 2023, ông bà chính thức ly thân và kể từ đó thì cũng không còn gặp mặt. Cho nên, dù không còn cãi nhau nhưng cũng không còn tình cảm vợ chồng, bản thân mỗi người đều hiểu rõ hôn nhân này từ lâu đã không còn tồn tại, nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho ông và Bà Lê Thị Cẩm L được ly hôn.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không tranh chấp về tài sản chung và vợ chồng cũng không có nợ chung.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Bà Lê Thị Cẩm L trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Tr về thời gian và quá trình quen biết, kết hôn. Tuy nhiên, về mâu thuẫn gia đình thì bà cho rằng chưa đến mức trầm trọng để phải ly hôn. Bà thừa nhận, trước đây vợ chồng có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế xuất phát từ việc bà tự ý kinh doanh bằng nguồn tiền ông Tr kiếm được đưa bà cất giữ để chăm lo cho cuộc sống chung. Lần trước, ông Tr có phát hiện và đã yêu cầu bà dừng việc kinh doanh nhưng do bà cũng nôn nóng muốn kiếm thêm thu nhập cho gia đình nên đã giấu ông Tr để tiếp tục đầu tư, sau đó tiếp tục dẫn đến thua lỗ nên không thể thu hồi vốn. Mặc dù, bà đã biết lỗi và xin ông Tr tha thứ nhưng ông đã không còn tin tưởng bà, từ đó vợ chồng bắt đầu có khoảng cách ngày càng lớn. Hiện nay, bà xác định bà vẫn còn thương chồng, xin ông cơ hội hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà được đoàn tụ. Bà xác định, ông bà không có con chung, không có nợ chung và cũng không tranh chấp gì về tài sản chung

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, đồng thời tiến hành hòa giải nhưng kết quả không thành, ông Tr yêu cầu không tiếp tục hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, ông Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà L không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Ông Lê Văn Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với Bà Lê Thị Cẩm L, căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng "Tranh chấp ly hôn", thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Ông Lê Văn Tr có yêu cầu khởi kiện đối với Bà Lê Thị Cẩm L, xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Tr là nguyên đơn, bà L là bị đơn.

[1.3] Tại phiên tòa, các đương sự đều có mặt, đủ điều kiện để phiên tòa được tiếp tục theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Tr và bà L được Ủy ban nhân dân xã Gi, huyện T, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 07 tháng 10 năm 2022 nên được xác định là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Ông Tr trình bày, sau thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có sự thống nhất trong vấn đề kinh tế gia định, thường xuyên bất đồng, cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng rạn nứt. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay, vợ chồng không còn gặp mặt, không thể khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên ông kiên quyết xin ly hôn.

Riêng bà L trình bày, bà thừa nhận vợ chồng có mâu về kinh tế và ông Tr đi làm xa nhà nên có ít thời gian dành cho nhau. Thực tế, bà cũng đang tìm cách để xây dựng lại niềm tin trong lòng ông về bà, dù ông không cho bà cơ hội nhưng bà xác định bà vẫn còn tình cảm với chồng nên không đồng ý ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Bà L tha thiết đề nghị Tòa án cho cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng ông Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và xác định vợ chồng không hàn gắn được trong thời gian Tòa án tạo cơ hội đoàn tụ vì mâu thuẫn đã trầm trọng. Bản thân bà L, tuy có thể hiện thiện chí để hàn gắn tình cảm nhưng không đưa ra được biện pháp hiệu quả để thuyết phục để ông Tr tin tưởng nên yêu cầu đoàn tụ của bà không được ông Tr đồng ý. Xét thấy, một trong hai bên không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng không có sự yêu thương lẫn nhau nên đã vi phạm một trong những quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, xét yêu cầu ly hôn của ông Tr đối với bà L là phù hợp và có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông bà xác định vợ chồng không có con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông bà thống nhất trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Ông Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Văn Tr về việc "Ly hôn" đối với Bà Lê Thị Cẩm L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Ông Lê Văn Tr được ly hôn với Bà Lê Thị Cẩm L.

2. Về án phí: Ông Lê Văn Tr phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông Tr đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010394 ngày 10/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An, ông Tr đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã Gi, huyện T, tỉnh Bình Thuận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Thái Thị Thanh Thúy